

BÁO CÁO TÓM TẮT CHÍNH SÁCH



Báo cáo tóm tắt chính sách được viết dựa trên kết quả nghiên cứu của dự án "**Vai trò của thế hệ trẻ trong giải quyết vấn đề rác thải nhựa biển**" được thực hiện bởi Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội được tài trợ bởi Mạng lưới Châu Á-Thái Bình Dương Nghiên cứu Thay đổi Toàn cầu tài (APN)

**Trường Đại học Khoa học
Tự nhiên,
Đại học Quốc gia Hà Nội**

*Nhóm tác giả báo cáo tóm
tắt:*

TS. Trần Thị Minh Hằng
(hangttm@hus.edu.vn)

GS.TS. Nguyễn Mạnh Khải

TS. Nguyễn Thị Phương Mai

ThS. Đinh Thị Dịu

THÚC ĐẨY TĂNG CƯỜNG GIÁO DỤC MÔI TRƯỜNG TRONG TRƯỜNG HỌC VÌ MỤC TIÊU GIẢM THIỂU RÁC THẢI NHỰA ĐẠI DƯƠNG

Thông điệp chính

1. Giáo dục môi trường được chứng minh là giải pháp khả thi, bền vững với chi phí thấp hơn so với các giải pháp công nghệ, khoa học để giải quyết vấn đề ô nhiễm nhựa
2. Các hoạt động giáo dục môi trường thực hiện trong trường học thông qua dự án đã làm thay đổi tích cực kiến thức, thái độ, thực hành của học sinh, sinh viên.
3. Giáo dục môi trường, đặc biệt là giáo dục dựa vào thiên nhiên ở cấp tiểu học là bước đầu tiên trong việc giải quyết các vấn đề môi trường của hành tinh, cung cấp một giải pháp đầy hứa hẹn để giảm thiểu ô nhiễm nhựa trong giới trẻ
4. Giáo dục môi trường cần được là hoạt động thường xuyên trong chương trình dạy học chính thức của các cấp phổ thông và đại học, thông qua các môn học, tích hợp các môn học, mô hình trường học xanh.
5. Để thực hiện được bền vững và lâu dài các hoạt động giáo dục môi trường trong nhà trường, Bộ Giáo dục và Đào tạo cần ban hành chính sách khuyến khích, hỗ trợ, tạo khung pháp lý để các trường học (bước đầu thí điểm ở bậc tiểu học) triển khai các hoạt động giáo dục môi trường trong khung chương trình chính thức, thực hiện mô hình trường học xanh theo cách tiếp cận không rác thải, phối hợp các nguồn ngân sách thường xuyên và hợp tác công tư.

1. Giới thiệu

Việt Nam là quốc gia tiêu thụ nhựa cao thứ ba ở Đông Nam Á với mức tiêu thụ nhựa bình quân đầu người là 81 kg vào năm 2019 (tăng gấp 10 lần so với năm 1990) (IUCN-EA-QUANTIS, 2020, IUCN, 2020). Việt Nam cũng được xác định là nước lớn thứ 4 nguồn thải nhựa lớn nhất thế giới với ước tính khoảng 0,28–0,73 triệu tấn nhựa mỗi năm được thải vào môi trường biển (Jambeck và c.s., 2015). Khảo sát do IUCN và Greenhub thực hiện cho thấy rác thải nhựa chiếm tới 92% tổng lượng rác thải thu gom trên các bãi biển Việt Nam. Thành phần rác thải nhựa chủ yếu bao gồm nhựa đã qua sử dụng một lần từ hoạt động sinh hoạt hàng ngày của người dân (IUCN&Greenhub, 2020).

Phân loại, thu hồi, tái chế và xử lý rác thải nhựa còn hạn chế tại Việt Nam. Lượng chất thải nhựa và túi nilon ở Việt Nam, chiếm khoảng 8-12% chất thải rắn sinh hoạt. Nhưng chỉ có khoảng 11-12 % số lượng chất thải nhựa, túi nilon được xử lý, tái chế, số còn lại chủ yếu là chôn lấp, đốt và thải ra ngoài môi trường.

Một trong những giải pháp được thảo luận thường xuyên trong việc chống ô nhiễm nhựa là nâng cao nhận thức về cộng đồng, đặc biệt là thế hệ thanh niên nhằm thay đổi hành vi, thực hành vì môi trường và lối sống bền vững. Hành vi và thái độ về môi trường của thế hệ trẻ đóng vai trò rất quan trọng vai trò của nó trong hiệu quả bảo vệ môi trường nói chung (Bradley và cộng sự, 1999; Eagles và cộng sự, 1999, Hartley và c.s., 2018, Cordier và c.s., 2021, Soares và c.s. 2021).

Vì vậy, để giải quyết vấn đề ô nhiễm nhựa biển ở Việt Nam, việc thay đổi nhận thức

hành vi là rất quan trọng. Dự án “*Giáo dục môi trường về chống rác thải nhựa biển - vai trò của thế hệ trẻ trong các trường học*” do Mạng lưới Châu Á-Thái Bình Dương Nghiên cứu Thay đổi Toàn cầu tài trợ được thực hiện với mục đích nâng cao nhận thức của thế hệ trẻ ở Việt Nam về tiêu dùng bền vững và giảm thiểu “dấu chân” nhựa. Dự án bao gồm việc thiết kế tài liệu giảng dạy để tích hợp vào chương trình học tập chính thức trong nhà trường; tổ chức các hoạt động ngoại khóa cho người học gắn liền với nội dung giảng dạy của tài liệu giáo dục môi trường nhằm thúc đẩy môi trường xanh không rác thải. Dự án cũng đánh giá hiệu quả can thiệp thông qua khảo sát và phân tích sự thay đổi kiến thức, thái độ, hành vi của học sinh, sinh viên tham gia dự án, từ đó làm cơ sở đề xuất giải pháp chính sách tiến tới thực hiện mô hình trường học xanh, trường học không rác tại Việt Nam.

Dự án được thực hiện tại 03 địa điểm thử nghiệm bao gồm:

- Trường tiểu học Lê Lợi, thành phố Huế: Hiện nay, trường có khoảng 50 lớp với trên 1438 học sinh tiểu học. 100% học sinh được học 2 buổi/ngày và bán trú.
- Trường trung học cơ sở Nam Sơn, Sóc Sơn: Hiện có 4 khối học, trong đó khối 6 có 6 lớp, khối 7, 8, 9 mỗi khối có 4 lớp với tổng số học sinh của nhà trường là 758. Học sinh chỉ học tập 1 buổi tại nhà trường và không có hoạt động sinh hoạt bán trú tại trường.
- Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội: Hiện trường có 8 Khoa, tuyển sinh và đào tạo với 29 ngành trình độ đại học. Tổng sinh viên đại học chính quy của Nhà trường hiện nay là 6.962 sinh viên.

2. Những phát hiện chính của dự án

Thông qua các hoạt động dự án, một số quan sát được tổng hợp sau đây:

- Trong sự thay đổi về kiến thức, thái độ và hành vi của học sinh, sinh viên, sự thay đổi rõ rệt nhất được quan sát thấy ở học sinh bậc tiểu học. Trong đó, học sinh tiểu học cho thấy hơn 95% thể hiện sự háo hức được tham gia thêm vào các hoạt động bảo vệ môi trường và đã lan tỏa các điều được học và thực hiện tại trường học cho gia đình.
- Sự thành công của các hoạt động giáo dục môi trường trong nhà trường phụ thuộc rất nhiều vào định hướng và quan điểm của đội ngũ lãnh đạo nhà trường. Sự năng động của đội ngũ lãnh đạo cũng tạo ra sự thu hút thêm các bên liên quan khác cùng tham gia vào các hoạt động giáo dục môi trường.
- Các hoạt động giáo dục môi trường trong nhà trường hiện nay mang tính chất sự việc, dựa trên hoạt động một số dự án. Có rất ít bằng chứng về việc các trường đã “thể chế hóa” các thực hành mới về giáo dục môi trường, các hoạt động mang tính nhỏ lẻ và thử nghiệm hơn là lan tỏa và bền vững.
- Các yếu tố ảnh hưởng đến sự thành công của các hoạt động giáo dục môi trường trong nhà trường: (1) ý chí lãnh đạo; (2) sự năng động của giáo viên, hoạt động giáo dục môi trường gắn với công việc hàng ngày và được sử dụng để đánh giá và khen thưởng; (3) có quỹ hoạt động chính thức hàng năm từ nguồn thu của trường và các nguồn xã hội hóa
- Mục đích cơ bản của giáo dục môi trường là thay đổi nhận thức và hành động của học

sinh, sinh viên. Sự tương quan lớn nhất với sự thay đổi này là văn hóa/sự tự hào và mức độ thuộc về trường của học sinh, sinh viên.

- Ngoài ra, hoạt động giáo dục môi trường có thể tích hợp trong các hoạt động trải nghiệm chính thức, hoạt động sinh hoạt đội, đoàn với nòng cốt lãnh đạo thực hiện là các cán bộ đội, đoàn cũng góp phần nâng cao hiệu quả và sự thành công của các hoạt động đó.
- Các hoạt động ngoại khóa và giáo dục môi trường đã tạo ra một môi trường học tích cực và sinh động và an toàn cho người học, giúp họ kích thích sự tò mò và khám phá, nâng cao tinh thần trách nhiệm và sự hứng khởi khi được trực tiếp thực hiện các hoạt động giảm thiểu được rác thải trong trường học và làm xanh, sạch, đẹp ngôi trường của mình.
- Khi thực hiện tích hợp giảng dạy môn học và tài liệu được phát triển của dự án, các trường gặp khó khăn về mặt thời gian và khối lượng kiến thức, hoạt động cần gia tăng thêm cho học sinh, sinh viên.
- Hoạt động giáo dục môi trường đồng thời phát triển kỹ năng sống quan trọng như tư duy sáng tạo, giải quyết vấn đề, và làm việc nhóm cho học sinh, sinh viên tham gia.
- Các trường tổ chức các hoạt động giáo dục môi trường với phương thức xem các hoạt động này là một phần của hoạt động phục vụ cộng đồng trong 3 hoạt động cốt lõi bắt buộc của Nhà trường là đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng. Đây là một cách tiếp cận góp phần “thể chế hóa” các hoạt động giáo dục môi trường, tạo cơ chế để trích kinh phí từ nguồn ngân sách hàng năm cho hoạt động giáo dục môi trường.

3. Khuyến nghị

Chính phủ Việt Nam và Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có các chính sách, định hướng về giáo dục môi trường hướng đến xây dựng môi trường học tập xanh, sạch, đẹp, an toàn. Trong bối cảnh các vấn đề môi trường và biến đổi khí hậu hiện nay, trong giao đoạn tới cần triển khai giáo dục môi trường đậm về chất và phong phú về lượng trên nền tảng thực tế của từng trường học, hướng tới xây dựng văn hóa nhà trường xanh.

Theo đó, Chính phủ Việt Nam cần có mục tiêu lâu dài, xây dựng mỗi trường thành một cộng đồng sống xanh, khuyến khích và đề nghị các trường kết nối và hỗ trợ nhau cùng phát triển mạng lưới trường học xanh với mô hình trường học không rác thải, với mục tiêu tạo ra các trường học thân thiện với môi trường, giáo dục và tạo ra những thế hệ học sinh có nhận thức và hành động bền vững, có lối sống xanh, góp phần giải quyết các vấn đề môi trường nói chung và rác thải nhựa đại dương nói riêng.

Trước mắt và ngắn hạn, dự án khuyến nghị triển khai theo giai đoạn:

Giai đoạn 1: Nghiên cứu và triển khai các chương trình giáo dục về môi trường, kỹ năng sống xanh và thực hành mô hình trường học xanh.

- + Xây dựng tài liệu tập huấn cho đội ngũ công tác viên, cán bộ quản lý, giáo viên.
- + Xây dựng tài liệu giáo dục cho học sinh.
- + Triển khai chương trình tập huấn cho đội ngũ công tác viên, cán bộ quản lý, giáo viên.
- + Lựa chọn một số trường thí điểm thuộc các nhóm khác nhau (theo ngành, quy mô, địa điểm, đầu vào) để Triển khai chương trình giáo dục về môi trường, kỹ năng sống xanh, mô hình trường học xanh cho học sinh tại

các cơ sở giáo dục với bối cảnh trường học đa dạng trên khắp Việt Nam (ví dụ: thành thị - thành phố, thị trấn, ngoại ô, nông thôn, hẻo lánh)

Giai đoạn 2: Hình thành mạng lưới “Cùng em xây dựng ngôi trường xanh” và triển khai các hoạt động xây dựng và vận hành ngôi trường xanh

Sau khi đánh giá hiệu quả của các mô hình thí điểm, cần triển khai cho nhiều trường hơn, mở rộng mạng lưới các trường thí điểm ngôi trường xanh, các trường đã tham gia thí điểm ở giai đoạn 1 đóng vai trò là “trung tâm mạng lưới” để kết nối và mở rộng dự án. Một số hoạt động của giai đoạn này bao gồm:

- + Xây dựng các tiêu chí lựa chọn cơ sở giáo dục tham gia mạng lưới “Cùng em xây dựng ngôi trường xanh”.
- + Phát triển mạng lưới “Cùng em xây dựng ngôi trường xanh” của các cơ sở giáo dục.
- + Hình thành các mô hình Câu lạc bộ Xanh trong các cơ sở giáo dục.
- + Tích hợp các hoạt động giáo dục môi trường qua hình thức sinh hoạt câu lạc bộ, phục vụ cộng đồng và xây dựng, phát triển kỹ năng sống xanh.

Giai đoạn 3. Lan tỏa tích cực lối sống chuyển đổi xanh trong mạng lưới và cộng đồng

- + Tổ chức các hoạt động kết nối mạng lưới như giao lưu, triển lãm, cuộc thi tìm hiểu, giải thưởng trong nước và quốc tế.
- + Xây dựng kênh truyền thông và tổ chức hỗ trợ các cơ sở giáo dục về hoạt động truyền thông liên quan đến kết quả của các hoạt động ngôi trường xanh.
- + Lồng ghép hoạt động giáo dục về môi trường, kỹ năng sống xanh, mô hình 7R vào các hoạt động thể thao Xanh, CLB thể thao Xanh và các mô hình phù hợp khác.

Một số khuyến nghị thực hiện giáo dục môi trường trong từng trường học theo cách tiếp cận không rác thải, xây dựng ngôi trường xanh:

- Cần phải có sự thống nhất từ các chủ trương; quan tâm và quyết tâm của ban lãnh đạo nhà trường trong việc giảm thiểu, hạn chế và tiến dần tới nói không với việc túi nylon; hộp nhựa xốp dùng 1 lần; ống hút... tại nhà trường.
- Tích cực tuyên truyền, lồng ghép nội dung bảo vệ môi trường vào chương trình học; các tiết học ngoại khoá; không thả bóng bay trong những ngày lễ, kỷ niệm, khai giảng; rèn luyện kỹ năng mềm cho học sinh, sinh viên.
- Các giáo viên và cán bộ nhà trường cần gương mẫu ngay tại các buổi họp, tại các giờ giảng dạy và đời sống thường ngày trong việc giảm thiểu, hạn chế sử dụng túi nylon, đồ nhựa dùng 1 lần.
- Khuyến khích học sinh, sinh viên trong việc bảo vệ môi trường, lan tỏa thông điệp này đến những mối quan hệ xung quanh mình.
- Thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khoá, cuộc thi tiểu phẩm, văn nghệ, sáng chế từ đồ tái chế, đổi rác lấy quà; dọn rác tại địa phương; tham quan các khu xử lý chất thải; công trình bảo vệ môi trường; địa điểm danh lam thắng cảnh cho học sinh, sinh viên.
- Thực hiện việc phân loại, thu gom, tái sử dụng và tái chế những chất thải ngay trong nhà trường.
- Nhà trường vận động mọi người hưởng ứng "3 Không" - Không ly nhựa, không hộp xốp, không túi nylon.
- Thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở đồng thời có động viên, tuyên dương các em học sinh, sinh viên có thành tích tích cực,

nổi bật trong việc thực hiện các nội dung, kế hoạch về việc giảm thiểu, hạn chế sử dụng đồ nhựa 1 lần.

- Tiến hành rà soát, đánh giá, xây dựng các mô hình dựa trên những ý tưởng, sáng kiến, giải pháp của học sinh, sinh viên và các thầy cô về giảm thiểu, hạn chế sử dụng túi nylon, đồ nhựa dùng 1 lần tại nhà trường.
- Thường xuyên tổ chức đa dạng hoá các chương trình truyền thông nâng cao nhận thức, các khoá tập huấn, phối hợp trong công tác giảng dạy, hoạt động ngoại khoá tại các nhà trường, tổ chức một buổi chiếu phim hoặc buổi nói chuyện truyền tải các vấn đề về nhựa đại dương, tổ chức dọn dẹp trường học, công viên, sông và bãi biển
- Khen thưởng và tôn vinh những học sinh, sinh viên tiêu biểu, những người có những đóng góp tích cực, nổi bật trong ngành giáo dục về công tác giảm thiểu, hạn chế túi nylon, đồ nhựa dùng 1 lần, chất thải nhựa trong nhà trường.
- Có chính sách và thực hiện ngừng bán chai nhựa trong trường học, thay vào đó khuyến khích tái sử dụng: Trường học có thể cung cấp nước uống thông qua vòi nước, bình, máy lọc; và đặc biệt khuyến khích học sinh mang theo đồ uống trong chai có thể tái sử dụng
- Sử dụng đồ có thể tái sử dụng cho căng tin và các sự kiện của trường, yêu cầu các nhà cung cấp giảm dùng nhựa
- Có những buổi tọa đàm, chia sẻ những thành công, những thực hành tốt để truyền cảm hứng cho các trường khác, từ đó tác động tích cực thay đổi vấn đề nhựa đại dương, bằng cách trở thành một nhà lãnh đạo truyền cảm hứng cho những người khác cũng hành động.

Tài liệu tham khảo

1. Bradley, C.J., Waliczek, T.M., Zajicek, J.M. (1999). Relationship between environmental knowledge and environmental attitude of high school students. *J. Environ. Edu.* 30(3): 17-21
2. Cordier, M., Uehara, T., Baztan, J., Jorgensen, B., and Yan, H. (2021). Plastic pollution and economic growth: The influence of corruption and lack of education. *Ecol. Econ.* 182, 106930. doi:10.1016/j.ecolecon.2020.106930
3. Eagles, P.F.J., Demare, R. (1999). Factors influencing children's environmental attitudes. *J. Environ. Edu.* 30(4): Pp. 33.
4. Hartley, B. L., Pahl, S., Holland, M., Alampei, I., Veiga, J. M., and Thompson, R. C. (2018). Turning the tide on trash: Empowering European educators and school students to tackle marine litter. *Mar. Policy* 96, 227–234. doi:10.1016/j.marpol.2018. 02.002
5. IUCN (International Union for the Conservation of Nature). 2020. “Reducing waste volume through Extended Producer Responsibility: Getting started in Vietnam”. Bangkok: International Union for the Conservation of Nature.
6. IUCN-EA-QUANTIS. (2020). “National Guidance for plastic pollution hotspotting and shaping action, Country report Vietnam”. Bangkok: International Union for the Conservation of Nature.
7. IUCN (International Union for the Conservation of Nature) and GreenHub. (2019). “Monitoring and Assessment Program on Plastic Litter in Coastal Areas of Vietnam”. Draft Report. Hanoi: Centre for Supporting Green Development.
8. Jambeck, J. R., R. Geyer, C. Wilcox, T. R. Siegler, M. Perryman, A. Andrady, R. Narayan, and K. L. Law. 2015. “Plastic waste inputs from land into the ocean”. *Science* 347(6223): 768–771.
9. MONRE (Ministry of the Natural Resources and the Environment). (2020). National Environmental Status Report. Hanoi: Ministry of Natural Resources and the Environment.
10. Shimray, C. (2016) Redesigning environmental courses for effective environmental protection. *Current science*, no. 4, vol. 110
11. Soares, J., Miguel, I., Venancio, C., Lopes, I., and Oliveira, M. (2021). On the path to minimize plastic pollution: The perceived importance of education and knowledge dissemination strategies. *Mar. Pollut. Bull.* 171, 112890. doi:10.1016/j.marpolbul.2021. 112890

Lời cảm ơn và tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

Nhóm tác giả xin trân trọng cảm ơn Mạng lưới Châu Á-Thái Bình Dương Nghiên cứu Thay đổi Toàn cầu tài (APN) đã tài trợ cho nghiên cứu này.

Bản tóm tắt chính sách được viết bởi nhóm tác giả là thành viên chính của dự án này. Các quan điểm được đưa ra là quan điểm của nhóm nghiên cứu, không nhất thiết đại diện cho quan điểm của Mạng lưới Châu Á-Thái Bình Dương Nghiên cứu Thay đổi Toàn cầu tài (APN).